

Số: **519**BUSOCO-PTV

V/v công bố thông tin về báo cáo tài
chính quý 1 năm 2014

Hà nam, ngày **22** tháng 04 năm 2014

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- 1. Tên công ty: Công ty cổ phần xi măng Vicem Bút Sơn**
- 2. Mã chứng khoán: BTS**
- 3. Địa chỉ trụ sở chính: Xã Thanh sơn-huyện Kim bãng-tỉnh Hà Nam**
- 4. Điện thoại: 03513.851.323; Fax: 03513.851.320-03513.852.482**
- 5. Người thực hiện công bố thông tin**

Người thực hiện công bố thông tin của Công ty cổ phần xi măng Vicem Bút Sơn là Ông Nguyễn Ngọc Tuấn, Kế toán trưởng Công ty cổ phần xi măng Vicem Bút Sơn (Chứng minh thư nhân dân số 168304888 ngày 28/12/2006 do Công an tỉnh Hà Nam cấp, số điện thoại di động: 0985.878.668).

6. Nội dung của thông tin công bố

Công ty kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán BCTC : Công ty TNHH kiểm toán An Phú.

Báo cáo tài chính quý 1 năm 2014 của Công ty cổ phần xi măng Vicem Bút Sơn được lập ngày 21/04/2014, bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Thuyết minh báo cáo tài chính;
- Văn bản giải trình chênh lệch lợi nhuận quý 1/2014 so với quý 1/2013.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính

Website: vicembutson.com.vn hoặc: vicembutson.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Xin trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, T.giám đốc Cty (để b/c);
- Lưu: VT, PTV. *vt*

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

TL. TỔNG GIÁM ĐỐC

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Ngọc Tuấn

Hà nam, ngày 21 tháng 04 năm 2014

GIẢI TRÌNH

CHÊNH LỆCH LỢI NHUẬN QUÍ 1 NĂM 2014 SO VỚI QUÍ 1 NĂM 2013

I. BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ 1 NĂM 2014

- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả kinh doanh;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Thuyết minh báo cáo quyết toán tài chính.

(Có báo cáo đính kèm).

II. GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH LỢI NHUẬN

Lợi nhuận trước thuế Quý 1 năm 2014 tăng 45,65 tỷ đồng so với quý 1 năm 2013 (Quý 1 năm 2014: 0,14 tỷ đồng, quý 1 năm 2013: -45,5 tỷ đồng), (Chi tiết biểu 01 đính kèm) do các yếu tố sau đây:

1. Do doanh thu clinker và xi măng tăng 27,3 tỷ đồng (Quý 1 năm 2014: 652,8 tỷ đồng, quý 1 năm 2013: 625,4 tỷ đồng). (Chi tiết biểu 02 đính kèm)

- Do giá bán bình quân sản phẩm tiêu thụ tăng làm doanh thu tăng 13,5 tỷ đồng.

- Do sản lượng tiêu thụ tăng 14.966 tấn (clinker giảm 11.506 tấn, xi măng tăng 26.472 tấn) làm doanh thu tăng 13,8 tỷ đồng.

2. Do chiết khấu thương mại giảm làm lợi nhuận tăng 23,5 tỷ đồng (Quý 1 năm 2014: 24,3 tỷ đồng, quý 1 năm 2013: 47,9 tỷ đồng)

3. Chi phí sản xuất tăng 17,8 tỷ đồng (Quý 1 năm 2014: 516,3 tỷ đồng, quý 1 năm 2013: 498,4 tỷ đồng) trong đó chi phí sản xuất sản phẩm chính là clinker và xi măng tăng 14,6 tỷ đồng (Quý 1 năm 2014: 508,2 tỷ đồng, quý 1 năm 2013: 493,5 tỷ đồng), (Chi tiết biểu 03 đính kèm), trong đó:

- Do sản lượng tăng 14.966 tấn (clinker giảm 11.506 tấn, xi măng tăng 26.472 tấn) làm chi phí sản xuất tăng 12,05 tỷ đồng.

- Do giá thành đơn vị sản phẩm tăng (xi măng tăng 2.782 đồng/tấn, clinker tăng 5.459 đồng/tấn) làm chi phí sản xuất tăng 2,5 tỷ đồng.

4. Chi phí bán hàng tăng 3,85 tỷ đồng (Quý 1 năm 2014: 41,8 tỷ đồng, quý 1 năm 2013: 38,005 tỷ đồng), chủ yếu là do chi phí vận chuyển thuê ngoài tăng 7,7 tỷ đồng, chi phí khấu hao giảm 1,03 tỷ đồng, chi phí bốc xếp thuê ngoài tăng 0,6 tỷ đồng.

5. Chi phí quản lý giảm 1,8 tỷ đồng (quý 1 năm 2014: 18,7 tỷ đồng, quý 1 năm 2013: 20,5 tỷ đồng) chủ yếu là do thuế, phí giảm 2 tỷ.

6. Chi phí tài chính giảm 11,007 tỷ đồng:

- *Lãi vay ngắn hạn giảm 8,6 tỷ đồng, trong đó:*

+ Do lãi suất quý I năm 2013 cao từ 13,5%-15%, lãi suất quý I năm 2014 ổn định hơn trong khoảng từ 10,5%-9,5%.

+ Do dư nợ vay giảm: 43 tỷ đồng (năm 2013 dư nợ bình quân quý I là 990,78 tỷ đồng, năm 2014 là: 947,7 tỷ đồng).

Như vậy làm lãi vay quý I/2014 giảm 8,6 tỷ đồng, Quý I/2014 là: 22,2 tỷ đồng, quý I/2013 là 30.86 tỷ đồng.

- *Lãi vay dài hạn tăng 1,19 tỷ đồng do dư nợ gốc vay năm 2014 tăng so với năm 2013 là: 396,4 tỷ đồng.*

- *Chênh lệch tỷ giá thanh toán giảm: 2,1 tỷ đồng do tỷ giá giảm. Quý I/2013: 2,41 tỷ đồng, quý I/2014 là: 0,28 tỷ đồng.*

- *Chi phí khác giảm 1,46 tỷ đồng. Quý I/2014 là: 0,55 tỷ đồng, quý I/2013 là: 2 tỷ đồng.*

7. Ngoài ra do việc doanh thu tài chính tăng làm lợi nhuận tăng 0,8 tỷ đồng, thu nhập khác giảm làm lợi nhuận giảm 1,7 tỷ đồng.

Công ty cổ phần xi măng Vicem Bút Sơn xin trân trọng báo cáo.

2011.
ÔNG
Ồ PH
I MÃI
VICE
BÚT S
TANG

Biểu 01: KẾT QUẢ KINH DOANH QUÍ 1 NĂM 2014 SO VỚI QUÍ 1 NĂM 2013

(ĐVT: đồng)

TT	CHỈ TIÊU	Quý 1 năm 2014	Quý 1 năm 2013	So sánh	
				Số tiền	%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3-4)	(6=5/4)
I	TỔNG THU NHẬP	667.801.511.436	636.810.734.145	30.990.777.291	4,87%
	Doanh thu bán clinker, xi măng	652.869.327.905	625.471.122.502	27.398.205.403	4,38%
	Doanh thu bán đá VLXD, gạch bê tông	10.080.819.274	5.584.361.512	4.496.457.762	80,52%
	Doanh thu hoạt động tài chính	1.599.667.516	791.806.133	807.861.383	102,03%
	Thu nhập khác	3.251.696.741	4.963.443.998	(1.711.747.257)	-34,49%
II	Chiết khấu thương mại	24.398.254.770	47.991.095.337	(23.592.840.567)	-49,16%
III	TỔNG CHI PHÍ	643.255.882.321	634.323.243.225	8.932.639.096	1,41%
	Giá vốn hàng bán	516.370.447.643	498.473.785.547	17.896.662.096	3,59%
	Chi phí bán hàng	41.863.555.107	38.005.100.190	3.858.454.917	10,15%
	Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.759.847.221	20.596.301.364	(1.836.454.143)	-8,92%
	Chi phí tài chính	64.429.788.615	75.437.408.436	(11.007.619.821)	-14,59%
	<i>Lãi vay vốn lưu động</i>	<i>22.242.098.332</i>	<i>30.855.111.572</i>	<i>(8.613.013.240)</i>	<i>-27,91%</i>
	<i>Lãi vay vốn cố định</i>	<i>41.358.287.192</i>	<i>40.166.358.084</i>	<i>1.191.929.108</i>	<i>2,97%</i>
	<i>CL Tỷ giá thanh toán</i>	<i>281.503.728</i>	<i>2.412.525.247</i>	<i>(2.131.021.519)</i>	<i>-88,33%</i>
	<i>Hoạt động khác</i>	<i>547.899.363</i>	<i>2.003.413.533</i>	<i>(1.455.514.170)</i>	<i>-72,65%</i>
	Chi phí khác	1.832.243.735	1.810.647.688	21.596.047	1,19%
III	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	147.374.345	(45.503.604.417)	45.650.978.762	

6/1
 AN
 NG
 ON
 11/1

Biểu 02: PHÂN TÍCH DOANH THU BÁN HÀNG QUÍ 1 NĂM 2014 SO VỚI QUÍ NĂM 2013

TT	Loại SP	Quý 1 năm 2014		Quý 1 năm 2013		Tăng giảm D.thu (Đồng)	Do giá bán		Do sản lượng		
		S.lượng (Tấn)	D.thu (Đồng)	G.bán (Đồng/tấn)	S.lượng (Tấn)		D.thu (Đồng)	G.bán (Đồng/tấn)	+,- giá (Đồng/tấn)	+,-DT (Tr.Đồng)	+,-SL (Tấn)
1	Clinker	222.771	162.977.126.913	731.591	234.277	146.868.829.893	626.902	104.688	23.322	-11.506	-7.213
2	XM rời	154.474	136.156.980.054		109.218	110.683.112.370			-14.724	45.256	40.198
	PCB30					0		0	0	0	0
	PCB40	118.060	95.929.061.521	812.548	54.964	51.864.882.279	943.618	-131.070	-15.474	63.096	59.538
	PC40	36.415	40.227.918.533	1.104.716	54.254	58.818.230.091	1.084.121	20.595	750	-17.840	-19.340
3	XM bao	339.184	353.735.220.938		357.969	367.919.180.239			4.960	-18.784	-19.144
	PCB30	177.944	197.348.439.284	1.109.049	200.456	219.747.137.489	1.096.238	12.811	2.280	-22.512	-24.678
	PCB40	60.140	67.785.352.839	1.127.132	49.249	55.772.781.506	1.132.470	-5.338	-321	10.891	12.334
	PC40	5.864	7.197.711.041	1.227.357	8.271	9.874.442.757	1.193.899	33.457	196	-2.406	-2.873
	MC25	95.236	81.403.717.774	854.755	99.993	82.524.818.487	825.304	29.450	2.805	-4.757	-3.926
	CỘNG	716.430	652.869.327.905		701.464	625.471.122.502			13.557	14.966	13.841

11/3/14

Biểu 03: PHÂN TÍCH CPSX QUÍ 1 NĂM 2014 SO VỚI QUÍ 1 NĂM 2013

TT	Loại SP	Quý 1 năm 2014			Quý 1 năm 2013			Tăng giảm chi phí (Đồng)	Do giá thành		Do sản lượng	
		S.lượng (Tấn)	Tổng CP (Đồng)	Giá thành đơn vị (Đồng/tấn)	S.lượng (Tấn)	Tổng CP (Đồng)	Giá thành đơn vị (Đồng/tấn)		+, -Z đơn vị (Đồng/tấn)	+ -CP (Tr.Đồng)	+,-SL (Tấn)	+ -CP (Tr.Đồng)
1	Clinker	222.771	144.286.719.243	647.691	234.277	150.460.236.864	642.232	-6.173.517.621	5.459	1.216	-11.506	-7.390
2	Xi măng	493.659	363.922.396.549	737.194	467.187	343.107.693.979	734.412	20.814.702.570	2.782	1.373	26.472	19.441
	CỘNG	716.430	508.209.115.792		701.464	493.567.930.843		14.641.184.949		2.589	14.966	12.052